

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI HKII. MÔN ĐỊA LÍ LỚP 8
NĂM HỌC 2022 – 2023

Phần I. Trắc nghiệm khách quan: Hãy lựa chọn phương án đúng nhất cho mỗi câu hỏi

Câu 1: Gió tây khô nóng (hiệu ứng phơn) hoạt động mạnh nhất ở khu vực nào sau đây của nước ta?

- A Bắc Trung Bộ. B Vùng Nam Bộ. C Đông Bắc Bộ. D Vùng Tây Nguyên.

Câu 2: Sông ngòi ở Nam Bộ nước ta có lũ cao nhất vào tháng

- A 10. B 8. C 9. D 11.

Câu 3: Gió mùa Đông Bắc hoạt động mạnh nhất ở khu vực nào sau đây của nước ta?

- A Vùng Nam Bộ. B Đông Bắc Bộ. C Bắc Trung Bộ. D Vùng Tây Nguyên.

Câu 4: Mùa mưa của khu vực Đông Trường Sơn nước ta thường vào

- A thu đông. B đông xuân. C hạ thu. D xuân hạ.

Câu 5: Dạng địa hình nào dưới đây là địa hình nhân tạo?

- A Đồng bằng. B Cao nguyên. C Đê sông. D Caxtơ.

Câu 6: Nhóm đất nào sau đây chiếm tỉ lệ lớn nhất ở nước ta?

- A Đất phù sa. B Đất mặn ven biển. C Đất mùn núi cao. D Đất feralit.

Câu 7: Sông ngòi Nam Bộ nước ta có đặc điểm thủy chế nào sau đây?

- A Lượng nước lớn quanh năm, chế độ nước điều hòa. B Lượng nước ít, chế độ nước điều hòa.
C Lượng nước ít, chế độ nước theo mùa. D Lượng nước lớn, chế độ nước theo mùa.

Câu 8: Địa hình nước ta đa dạng nhưng chủ yếu là dạng địa hình

- A đồi núi. B sơn nguyên. C đồng bằng. D cao nguyên.

Câu 9: Ở nước ta, khu vực nào sau đây thường chịu thiệt hại nặng nề nhất của bão?

- A Vùng Nam Bộ. B Duyên hải miền Trung. C Vùng Tây Bắc. D Vùng Tây Nguyên.

Câu 10: Hướng địa hình chủ yếu của vùng núi Tây Bắc nước ta là

- A tây – đông. B tây bắc – đông nam. C tây nam – đông bắc. D vòng cung.

Câu 11: Miền Đông Bắc Bộ nước ta bao gồm:

- A khu vực đồi núi hữu ngạn sông Hồng và khu đồng bằng sông Hồng.
B khu vực đồi núi tả ngạn sông Hồng và khu đồng bằng Bắc Bộ.
C khu vực đồi núi hữu ngạn sông Hồng và khu đồng bằng Bắc Bộ.
D khu vực đồi núi tả ngạn sông Hồng và khu Bắc Trung Bộ.

Câu 12: Hệ sinh thái rừng ôn đới núi cao phân bố chủ yếu ở vùng nào sau đây của nước ta?

- A Hoàng Liên Sơn. B Tây Nguyên. C Bắc Trung Bộ. D Đông Bắc.

Câu 13: Hướng địa hình chủ yếu của vùng núi Đông Bắc nước ta là

- A tây nam – đông bắc. B vòng cung. C tây – đông. D tây bắc – đông nam.

Câu 14: Hệ sinh thái rừng thưa rụng lá (rừng khộp) phân bố chủ yếu ở vùng nào sau đây của nước ta?

- A Hoàng Liên Sơn. B Tây Nguyên. C Bắc Trung Bộ. D Việt Bắc.

Câu 15: Kiểu thời tiết đặc trưng vào cuối mùa đông ở miền Bắc nước ta là

- A mưa tuyết. B mưa ngâu. C mưa đông. D mưa phùn.

Câu 16: Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ nước ta giới hạn từ:

- A miền thuộc hữu ngạn sông Đà đến Thừa Thiên Huế.
B miền thuộc hữu ngạn sông Hồng đến sông Cả.
C miền thuộc hữu ngạn sông Hồng, từ Lai Châu đến Thừa Thiên – Huế.
D miền thuộc hữu ngạn sông Hồng đến sông Mã.

Câu 17: Sông ngòi ở Bắc Bộ nước ta có lũ cao nhất vào tháng

- A 10. B 11. C 8. D 9.

Câu 18: Hướng chủ yếu của loại gió hoạt động vào mùa đông ở nước ta là

- A đông nam. B tây nam. C tây bắc. D đông bắc.

Câu 19: Sông ngòi Trung Bộ nước ta có đặc điểm nào sau đây?

- A Sông lớn, dốc và có hướng vòng cung. B Sông lớn, có lượng nước lớn, chế độ nước theo mùa.
C Sông dài, có nhiều hệ thống sông lớn. D Sông ngắn và dốc, phân thành nhiều lưu vực nhỏ.

Câu 20: Nhóm đất phù sa sông và biển phân bố chủ yếu ở

- A vùng núi thấp. B các cao nguyên. C vùng núi cao. D các đồng bằng.

Phần II. Tự luận:

Câu 1. a. Trình bày các đặc điểm chung của địa hình Việt Nam

- Đồi núi là bộ phận quan trọng nhất trong cấu trúc địa hình nước ta:
 - + Đồi núi chiếm $\frac{3}{4}$ diện tích lãnh thổ nhưng chủ yếu là đồi núi thấp.
 - . Núi thấp dưới 1000m chiếm 85% diện tích.
 - . Núi cao trên 2000m chỉ chiếm 1% diện tích.
 - + Đồi núi tạo thành cánh cung lớn hướng ra Biển Đông.
 - + Đồng bằng chiếm $\frac{1}{4}$ diện tích lãnh thổ.
- Địa hình của vùng Tân kiến tạo:
 - + Vận động tạo núi làm cho địa hình nâng cao, phân thành nhiều bậc.
 - + Địa hình thấp dần ra biển.
 - + Hướng chính: tây bắc – đông nam và vòng cung.
- Địa hình của vùng nhiệt đới ẩm gió mùa và chịu tác động của con người:
 - + Địa hình bị cắt xẻ, xâm thực.
 - + Lớp vỏ phong hóa dày, vụn bở.
 - + Địa hình nhân tạo nhiều: kênh rạch, đê, đập...

b. Trình bày vị trí, đặc điểm cơ bản của khu vực đồi núi, khu vực đồng bằng nước ta.

- * Khu vực đồi núi:
 - Vùng núi Đông Bắc:
 - + Vị trí: ở tả ngạn sông Hồng.
 - + Đặc điểm: . vùng đồi núi thấp.
 - . hướng cánh cung.
 - . địa hình cácxtơ phổ biến.
 - Vùng núi Tây Bắc:
 - + Vị trí: giữa sông Hồng và sông Cả.
 - + Đặc điểm: . gồm những dải núi cao và sơn nguyên.
 - . hướng tây bắc – đông nam.
 - Vùng núi Trường Sơn Bắc:
 - + Vị trí: từ sông Cả tới dãy Bạch Mã.
 - + Đặc điểm: . vùng núi thấp.
 - . 2 sườn không đối xứng.
 - Vùng núi Trường Sơn Nam:
 - + Vị trí: từ dãy Bạch Mã tới cực Nam Trung Bộ.
 - + Đặc điểm: . vùng đồi núi và cao nguyên hùng vĩ.
 - . các cao nguyên rộng lớn, phủ đất đỏ badan.

* Khu vực đồng bằng:

- Đồng bằng châu thổ:

Các yếu tố	Đồng bằng sông Hồng	Đồng bằng sông Cửu Long
Nguồn gốc	Do hệ thống sông Hồng bồi tụ	Do sông Cửu Long bồi tụ.
Diện tích	15 000 km ² .	40 000 km ² .
Đặc điểm	Có hệ thống đê.	Mạng lưới kênh rạch chằng chịt

- Đồng bằng ven biển: có diện tích 15 000 km², chia thành nhiều đồng bằng nhỏ.

Câu 2. a) Trình bày các điểm chung của khí hậu Việt Nam

* Tính chất nhiệt đới gió mùa ẩm:

- + Số giờ nắng cao.
- + Nhiệt độ trung bình trên 20°C, tăng dần từ Bắc vào Nam.
- + Khí hậu có 2 mùa, phù hợp với 2 mùa gió.
- + Lượng mưa lớn, độ ẩm không khí cao.

* Tính chất đa dạng và thất thường:

- Tính đa dạng: theo không gian và thời gian hình thành nên các miền và vùng khí hậu khác nhau:
 - + Miền khí hậu phía Bắc: có mùa đông lạnh ít mưa, mùa hè nóng mưa nhiều.
 - + Miền khí hậu Đông Trường Sơn: mùa mưa lệch về thu đông.
 - + Miền khí hậu phía Nam: có khí hậu cận xích đạo, nhiệt độ cao quanh năm, có mùa mưa và mùa khô rõ rệt.

- + Miền khí hậu Biển Đông: mang tính chất gió mùa nhiệt đới hải dương.
- Tính thất thường, biến động mạnh: có năm rét sớm, có năm rét muộn, năm ít bão, năm nhiều bão,...

b) Trình bày các mùa khí hậu và thời tiết nước ta

- Mùa gió đông bắc từ tháng 11 đến tháng 4 (mùa đông)
- + Gió mùa đông bắc hoạt động mạnh.
- + Miền Bắc: ảnh hưởng của gió mùa đông bắc: đầu mùa lạnh khô, cuối mùa lạnh ẩm.
- + Miền Nam: thời tiết khô nóng, duyên hải Trung Bộ mưa lớn vào thu đông.
- Mùa gió tây nam từ tháng 5 đến tháng 10 (mùa hạ)
- + Hướng gió tây nam thịnh hành.
- + Nhiệt độ cao trên cả nước, lượng mưa lớn.
- + Thời tiết phổ biến:
 - . nhiều mây, có mưa rào và mưa dông.
 - . gió tây khô nóng ở miền Trung.
 - . mưa ngâu gây ngập úng ở đồng bằng Bắc Bộ.
 - . bão gây mưa to, gió lớn ở vùng đồng bằng và duyên hải miền Trung nước ta.

c) Nêu những thuận lợi và khó khăn do khí hậu mang lại đối với đời sống và sản xuất ở Việt Nam.

- Thuận lợi: phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới, sản xuất lớn, chuyên canh và đa canh.
- Khó khăn: thiên tai, thời tiết diễn biến phức tạp ảnh hưởng tới sản xuất và đời sống người dân.

Câu 3. a) Trình bày các đặc điểm chung của sông ngòi Việt Nam

- Mạng lưới sông ngòi dày đặc, phân bố rộng khắp cả nước: có trên 2000 con sông, các sông lớn tạo nên đồng bằng châu thổ rộng lớn, phì nhiêu.
- Sông chảy theo hai hướng chính: tây bắc – đông nam và vòng cung.
- Sông có hai mùa nước: mùa lũ trùng với mùa mưa và mùa cạn trùng với mùa khô của khí hậu.
- Sông có lượng phù sa lớn: là nguồn tài nguyên quan trọng cho sản xuất và đời sống.

b) Nêu sự khác nhau về chế độ nước, về mùa lũ của sông ngòi Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộ

- Sông ngòi Bắc Bộ:
 - + Chế độ nước thất thường.
 - + Mùa lũ: dài 5 tháng, cao nhất vào tháng 8; lũ tập trung nhan, kéo dài.
 - + Tiêu biểu là hệ thống sông Hồng.
- Sông ngòi Trung Bộ:
 - + Thường ngắn và dốc, phân thành nhiều lưu vực nhỏ độc lập.
 - + Lũ lên nhanh, đột ngột, tập trung vào các tháng cuối năm (thu đông).
- Sông ngòi Nam Bộ:
 - + Lượng nước chảy lớn, chế độ nước theo mùa, điều hòa hơn.
 - + Lòng sông rộng, sâu, ảnh hưởng của thủy triều lớn.
 - + Hai hệ thống sông lớn: sông Mê Công và sông Đồng Nai.

Câu 4. Nêu đặc tính, sự phân bố và giá trị kinh tế của các nhóm đất chính ở nước ta

- Nhóm đất feralit:
 - + Hình thành tại các miền đồi núi thấp.
 - + Chiếm 65% diện tích.
 - + Đặc tính: chua, nghèo mùn, nhiều sét, có màu đỏ vàng.
 - + Giá trị: trồng rừng và cây công nghiệp lâu năm.
- Nhóm đất mùn núi cao:
 - + Hình thành ở vùng núi cao.
 - + Chiếm 11% diện tích.
 - + Đặc tính: nhiều mùn.
 - + Giá trị: trồng rừng.
- Nhóm đất phù sa sông:
 - + Tập trung ở các đồng bằng lớn.
 - + Chiếm 24% diện tích.
 - + Đặc tính: tơi xốp, ít chua, giàu mùn.
 - + Giá trị: trồng lúa, hoa màu (ngô, khoai, sắn...), cây ăn quả.

Câu 5. Trình bày các kiểu hệ sinh thái rừng ở nước ta và phân bố của chúng: Việt Nam có nhiều hệ sinh thái khác nhau phân bố khắp mọi miền

- Hệ sinh thái rừng ngập mặn:
 - + Phân bố ở các bãi triều cửa sông, ven biển.
 - + Sinh vật: đước, sú, vẹt... hàng trăm loài tôm, cua, cá...
- Hệ sinh thái rừng nhiệt đới gió mùa:
 - + Phân bố: ở vùng đồi núi.
 - + Nhiều hệ sinh thái khác nhau: rừng kín thường xanh, rừng ôn đới núi cao, rừng thưa rụng lá...
- Các khu bảo tồn thiên nhiên và vườn quốc gia:
 - Mục đích: để bảo vệ, phục hồi và phát triển tài nguyên sinh học tự nhiên.
- Các hệ sinh thái nông nghiệp:
 - + Mục đích: lấy lương thực, thực phẩm.
 - + Xu hướng: ngày càng mở rộng và lấn át các hệ sinh thái tự nhiên.

Phần III. Các kĩ năng địa lí:

Câu 1. Cho bảng số liệu: Sự biến động diện tích rừng nước ta, giai đoạn 2010 – 2016

Năm	Tổng diện tích rừng (triệu ha)	Diện tích rừng tự nhiên (triệu ha)	Diện tích rừng trồng (triệu ha)
2010	13,4	10,3	3,1
2012	13,8	10,2	3,6
2014	13,8	10,1	3,7
2016	14,4	10,1	4,3

Nhận xét và giải thích về sự biến động về cơ cấu diện tích rừng của nước ta, giai đoạn 2010 – 2016.

Câu 2. Cho bảng số liệu:

Lượng mưa và lưu lượng dòng chảy trung bình tháng tại trạm Sơn Tây trên sông Hồng

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lượng mưa (mm)	19,5	25,6	34,5	104,2	222,0	262,8	315,7	335,2	271,9	170,1	59,9	17,8
Lưu lượng (m ³ /s)	1318	1100	914	1071	1893	4692	7986	9246	6690	4122	2813	1746

Nhận xét, giải thích về lượng mưa và lưu lượng dòng chảy trung bình tháng tại trạm Sơn Tây trên sông Hồng.

-----HẾT-----